

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **30/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 14/9/2023

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thân Văn Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2023/TLST- HNGĐ ngày 13/6/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm K- Đội 3, thôn L, xã N, huyện H, tỉnh N- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh ngày 17/7/1985; Địa chỉ: Thôn R, xã H, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 13/4/2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Đinh Thị V) trình bày:

Chị và anh Phạm Văn N cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 17/05/2005. Sau khi cưới chị về nhà anh N làm dâu ngay, ở chung với gia đình anh N. Tình cảm vợ chồng bình thường được 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N có những biểu hiện của người nghiện ma túy, chị có khuyên anh N từ bỏ ma túy nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh N từ năm 2006, vợ chồng sống ly thân từ đó

đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh N, vì vậy chị đã làm đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc Á, sinh ngày 15/12/2005, hiện nay cháu đang ở cùng chị, cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu Á. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Phạm Văn N): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh N vắng mặt. Địa phương cung cấp: Hiện nay anh N không có mặt tại địa phương, anh N đi làm ăn ở bên ngoài đã lâu không thấy về, hiện tại anh N làm gì, ở đâu thì địa phương không nắm được vì anh N không xin tạm vắng, tạm trú qua Công an xã. Tòa án đã có công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an đề nghị cung cấp thông tin về việc anh N xuất cảnh và nhập cảnh để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại Công văn số 18890/QLXNC-P5 ngày 25/7/2023 Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an trả lời: Trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh không có thông tin xuất cảnh của Phạm Văn N, sinh ngày 17/7/1985. Do đó có căn cứ anh N hiện nay vẫn ở trong nước. Tòa án đã làm thủ tục nhấn tin trên Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam, thông báo cho anh N biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Đinh Thị V và anh Phạm Văn N, thông báo rõ ngày giờ anh N về Tòa án để giải quyết việc ly hôn, tuy nhiên anh N vẫn vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị V được ly hôn anh Phạm Văn N.

Về con chung: Giao chị Đinh Thị V trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Phạm Ngọc Á, sinh ngày 15/12/2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chi phí tố tụng: Chị Đinh Thị V phải chịu toàn bộ số tiền chi phí nhấn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam, báo Công Lý là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), được trừ vào số

tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền chi phí nhấn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo Công Lý.

Về án phí: Chị Đinh Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009190 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2023 của chị Đinh Thị V đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Đinh Thị V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Phạm Văn N (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Vì vậy, xác định anh N cố tình giấu địa chỉ, lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị V và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa chị V và anh N. Căn cứ vào Điều 238; khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị V và anh Phạm Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị V thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị V, anh N từ khi kết hôn có thời gian ngắn chung sống hoà thuận. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc anh N có biểu hiện nghiện hút ma túy, chị V khuyên giải nhiều lần nhưng không được nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng lớn. Chị V đã chuyển ra khỏi nhà anh N từ năm 2006, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị V có đơn xin ly hôn, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo Công lý về việc triệu tập đến Tòa án để làm việc, nhưng anh N không đến làm việc theo giấy triệu tập và thông báo, cũng không có ý kiến phản hồi gì. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh N đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị V được ly hôn anh N là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị V cần được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung*: Chị V và địa phương xác định vợ chồng chị V, anh N có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Á, sinh ngày 15/12/2005. Hiện nay cháu Á đang ở

cùng chị V, cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị V đề nghị được trực tiếp nuôi con, xét thấy cháu Á ở với mẹ từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, hiện nay cháu Á cũng đã gần đủ 18 tuổi tròn và có nguyện vọng ở cùng mẹ, cho nên cần giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp, vì vậy yêu cầu của chị V về việc nuôi con cần được chấp nhận.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

2].5. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí nhắn tin anh Phạm Văn N trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo Công Lý là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), chị Đinh Thị V phải chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí chị V đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Vì vậy, cần xác nhận chị V đã nộp đủ tiền chi phí nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo Công Lý.

[2].5. Về án phí: Chị Đinh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị V được ly hôn anh Phạm Văn N.

Về con chung: Giao chị Đinh Thị V trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Phạm Ngọc Á, sinh ngày 15/12/2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi tròn. Anh Phạm Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chi phí tố tụng: Chị Đinh Thị V phải chịu toàn bộ số tiền chi phí nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam, báo Công Lý là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền chi phí nhắn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam và báo Công Lý.

Về án phí: Chị Đinh Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009190 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn